

# MỘT SỐ KHÓ KHĂN KHI GIẢNG DẠY MÔN *GIÁO DỤC CÔNG DÂN* CHO HỌC SINH ĐIẾC

NGUYỄN THỊ THANH NGA - HOÀNG THU THẢO - TRẦN THUỖ CHI

Ngày nhận bài: 30/10/2017; ngày sửa chữa: 04/11/2017; ngày duyệt đăng: 16/11/2017.

**Abstract:** Based on the basic characteristics of deaf students, the article addresses the role of Civics for deaf students. The teaching of this subject for deaf students is necessary but teaching the subject is currently facing many difficulties. Therefore, the paper proposes some measures to improve quality of Civics for deaf students and instill scientific knowledge of this subject into the deaf students.

**Keywords:** Deaf students, civics education, teaching.

## 1. Đặt vấn đề

Môn *Giáo dục công dân* (GDCC) có nhiệm vụ quan trọng mà không môn học nào có thể thay thế, không chỉ trang bị thế giới quan khoa học, môn học còn giúp học sinh (HS) có phương pháp luận biện chứng. Đối với HS điếc, việc trang bị những kiến thức đó lại càng trở nên cần thiết, giúp các em có thể hoà nhập, sống có ý nghĩa theo đúng pháp luật và những chuẩn mực đạo đức tốt đẹp.

## 2. Nội dung nghiên cứu

**2.1. Khái niệm “Điếc”.** Trong ngôn ngữ phổ thông, “điếc” thường được hiểu là mất thính giác hoàn toàn, không nghe được chút nào hoặc giảm sút nhiều về thính giác, nghe không rõ, dẫn đến khó khăn trong giao tiếp và ảnh hưởng đến quá trình nhận thức. Trong ngành Y, *điếc* có nghĩa là suy giảm hoặc mất toàn bộ hay một phần sức nghe. Ngoài thuật ngữ “*điếc*”, ta còn gặp những thuật ngữ có nghĩa tương đương như *khiếm thính* hay *khuyết tật thính giác*.

Điếc thường được phân làm các mức độ:

- *Điếc mức I (điếc nhẹ)*: sẽ không nghe thấy được một số âm thanh lời nói, đặc biệt là các phụ âm nhỏ. Điếc nhẹ vẫn có khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ nói.

- *Điếc mức II (điếc vừa)* sẽ không nghe thấy một số âm thanh lời nói, vừa nói không rõ, phát âm thiếu chuẩn xác, người đối thoại phải chú ý nghe mới hiểu được.

- *Điếc mức III (điếc nặng)* sẽ không nghe được phần lớn âm thanh của ngôn ngữ nói trong giao tiếp thông thường.

- *Điếc mức IV (điếc sâu)* sẽ không nghe thấy chút nào âm thanh lời nói trong giao tiếp thông thường, cả khi nói to cũng không nghe thấy.

Do ảnh hưởng của sức nghe (đầu vào của ngôn ngữ) nên ngôn ngữ biểu đạt thường nghèo nàn và

đơn điệu; vốn từ ít và thường sử dụng những câu ngắn, câu cụt để giao tiếp. Yếu tố cú pháp và ngữ nghĩa bắt đầu xuất hiện trong giai đoạn “2 từ” hoặc “2 kí hiệu”. HS điếc thường tiếp nhận hình ảnh, sự vật xung quanh qua cảm giác, tri giác nhìn là chính; những gì nhìn thấy trước, những gì cho là quan trọng thì sẽ “nói” trước. HS điếc thường thể hiện nhiều từ/kí hiệu cùng một ngữ nghĩa như nhau.

Về hoạt động nhận thức, HS điếc thường nhận thức thông qua hai hình thức: - *Nhận thức cảm tính*: Do những hạn chế về sức nghe nên HS điếc sẽ có khả năng nhạy bén hơn, tinh tế hơn ở cảm giác nhìn. Các em có thể “nghe được bằng mắt”, cảm thụ được độ rung của âm thanh bằng xúc giác khi phát âm đưa tay đặt lên cổ. Vì vậy, trong quá trình dạy học, nhất là trong các tiết dạy ngôn ngữ cần đặc biệt chú ý rèn luyện cảm giác nhìn để làm chức năng thay thế (đọc hình miệng, lĩnh hội ngôn ngữ kí hiệu); - *Nhận thức lí tính*: Mặc dù bị khiếm khuyết về chức năng thính giác song bù lại HS điếc thường có khả năng quan sát, so sánh, phân biệt, khái quát hóa những hình ảnh khác nhau của sự vật, hiện tượng trong thời gian nhanh với độ chính xác cao.

Tóm lại, HS điếc có những đặc điểm nổi bật là thính giác hạn chế, thị giác phát triển mạnh hơn; có khả năng nhận thức bình thường những kiến thức mang tính tái hiện, gặp khó khăn khi đòi hỏi tư duy logic, trừu tượng; nhu cầu giao tiếp rất phát triển, nếu các em được hòa nhập và giao tiếp thường xuyên thì khả năng phát triển sẽ rất tốt.

## 2.2. Vai trò của môn GDCC đối với HS điếc.

Một trong những tư tưởng đổi mới GD-ĐT hiện nay là tăng cường giáo dục đạo đức cho HS nói chung cũng như HS điếc nói riêng, được thể hiện trong nghị quyết

\* Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

của Đảng, *Luật Giáo dục* và các văn bản của Bộ GD-ĐT. *Luật Giáo dục 2005* xác định: “*Mục tiêu của giáo dục phổ thông là giúp cho HS phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản nhằm hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách trách nhiệm công dân...*” [1; tr 45].

Đảng ta đã chủ trương: “*Giáo dục lí tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ luôn được Đảng, Nhà nước, gia đình, nhà trường và toàn xã hội quan tâm. Những năm qua, nhiều nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác thanh niên và giáo dục thế hệ trẻ đã được triển khai, đạt nhiều kết quả. Hệ thống pháp luật, công tác quản lí nhà nước về thanh thiếu nhi ngày càng được hoàn thiện. Giáo dục về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ không ngừng được tăng cường và đổi mới*” [2]. Bởi vậy, tu dưỡng và rèn luyện bản thân để trở thành người có nhân cách, vừa có “đức” vừa có “tài” là hết sức quan trọng đối với mỗi con người, là nhiệm vụ hàng đầu của thanh niên, HS.

Bên cạnh đó, môn *GDCD* được đưa vào chương trình dạy học từ rất lâu (ở cấp tiểu học gọi là môn *Đạo đức*). Có thể khẳng định rằng, môn học này có vai trò hết sức quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách không chỉ HS nói chung mà còn có vai trò vô cùng quan trọng đối với HS điếc nói riêng. Tầm quan trọng đặc biệt của môn học này ở chỗ góp phần hình thành thế giới quan lành mạnh ở HS nói chung, đặc biệt là HS điếc; giúp HS biết phân biệt lẽ phải, trái; biết tôn trọng bản thân và tôn trọng người khác; sống trung thực, khiêm tốn, dũng cảm, biết yêu thương và vị tha.

Những kiến thức của môn *GDCD* giúp HS điếc có thể hình thành những kỹ năng sống cơ bản để vững vàng hòa nhập được với cộng đồng, như: có ý thức tổ chức kỉ luật, có thái độ đúng đắn trong việc nhận thức và chấp hành pháp luật. Tuy có tầm quan trọng như vậy, nhưng vì nhiều lí do khác nhau, chất lượng dạy và học môn học này trong thời gian qua còn có nhiều bất cập và chưa được chú trọng.

**2.3. Một số khó khăn khi giảng dạy môn *GDCD* cho HS điếc.** Nội dung chương trình giảng dạy môn *GDCD* về cơ bản là phù hợp với HS. Tuy nhiên, do cô và trò còn nhiều bất đồng trong ngôn ngữ nên việc chuyển tải kiến thức gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, đặc thù của môn học có rất nhiều khái niệm trừu tượng, khó giải thích để HS điếc nắm được những kiến thức cơ bản. Điều này ảnh hưởng lớn đến tiến độ và kết quả học tập của các em. Bên cạnh đó, sự hiểu biết về thế giới quan, phương pháp luận của HS điếc rất hạn chế;

các em chưa nhận thức được hết tầm quan trọng của môn học và cho rằng đây là môn học phụ nên ít quan tâm, không đầu tư thích đáng cho việc học. Trên thực tế, giáo viên (GV) dạy *GDCD* cho lớp điếc phải đầu tư rất nhiều thời gian, công sức cho việc soạn giáo án. Trong khi đó, thời gian giảng dạy trên lớp không nhiều, khả năng tiếp thu của HS điếc hạn chế, nên mục tiêu của bài giảng rất khó đạt được như dự kiến. GV vừa vất vả để truyền đạt nội dung kiến thức, vừa phải theo sát khả năng tiếp thu kiến thức của HS điếc. Vì vậy, thời gian dành cho việc giảng dạy môn *GDCD* luôn luôn thiếu.

Hiện nay, một số GV áp dụng các phương pháp giảng dạy chưa thực sự linh hoạt (kết hợp ngôn ngữ kí hiệu với ngôn ngữ cơ thể...), chưa thân thiện, chưa lấy HS điếc làm trung tâm, chưa thực sự đi sâu tìm hiểu tâm, sinh lí của HS điếc nên chưa tạo ra hứng thú cho HS trong mỗi tiết lên lớp. Phần lớn GV vẫn lên lớp bằng phương pháp xưa cũ: “thầy đọc, trò chép” tạo cảm giác mệt mỏi, thụ động đối với HS trong việc tiếp nhận kiến thức. Việc thiếu những dẫn chứng sinh động trong thực tế cũng như thiếu dụng cụ trực quan làm cho các tiết học trở nên khô khan, nhàm chán, không gây được hứng thú đối với HS. Vì vậy, để tiết dạy *GDCD* cho HS điếc đạt hiệu quả, GV cần phải có những thay đổi về phương pháp giảng dạy, tạo được hứng thú cho HS, đặc biệt là HS điếc để các em hòa nhập được với cộng đồng xã hội tốt hơn.

Ngoài ra, rất nhiều HS không được phát hiện, can thiệp sớm. Việc phát hiện sớm, tổ chức khám sàng lọc và xác định khuyết tật sẽ giúp trẻ khuyết tật có cơ hội tiếp cận với các can thiệp y tế, tập luyện và phục hồi chức năng. Từ đó, các em có các điều kiện để tham gia các hoạt động hòa nhập, phát triển bản thân theo chiều hướng tích cực. Từ việc phát hiện và có sự can thiệp kịp thời, trẻ khuyết tật sẽ vượt qua mặc cảm, những trở ngại về năng lực, về hình thể và có cơ hội được giáo dục hòa nhập. Phần lớn HS điếc gặp khó khăn trong giao tiếp với những người xung quanh; có khó khăn khi tiếp xúc, vui chơi, và tương tác với các HS khác. Các em thường phải đấu tranh với những cảm xúc của chính mình, như: nỗi buồn, sự cô đơn, sợ hãi, trầm cảm, chống đối, sự im lặng, không đi học hoặc thường xuyên nghỉ học, gây rối, phá hoại, hiếu chiến hay bạo lực. Động lực trong cuộc sống nói chung, động lực trong học tập nói riêng của HS điếc thường chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau như những rào cản về môi trường xung quanh... HS điếc thường thiếu tự tin hơn trẻ bình thường.

Như vậy, những khó khăn nêu trên tạo nên một loạt những rào cản cần được gia đình, nhà trường và

cộng đồng giảm thiểu và loại bỏ để trẻ em có thể phát triển tối đa tiềm năng của mình. Đã đến lúc chúng ta phải có những đánh giá, nhìn nhận nghiêm túc cả từ phía người dạy lẫn người học để có giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học môn học, nhất là trong giai đoạn hiện nay và đặc biệt là đối với HS điếc.

#### 2.4. Một số biện pháp khắc phục khó khăn.

Tạo môi trường sống, môi trường học tập tương đối bình đẳng cho HS điếc hòa nhập với bạn bè cùng trang lứa. Thông qua môn *GDCD*, GV dạy HS điếc cách sống cùng với nhau, đối xử cởi mở, hỗ trợ và tôn trọng những người khác, giúp các em có thể được sống trong môi trường học tập tại trường lớp và môi trường sống tại địa phương. Chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, môi trường giáo dục cần đáp ứng sự đa dạng và hỗ trợ cho HS điếc. Nhà trường cần tạo ra môi trường thân thiện với HS điếc thông qua thái độ, cách cư xử tích cực của GV và các cán bộ trong trường.

Tạo các sân chơi trí tuệ cho HS điếc có cơ hội bày tỏ những suy nghĩ, tình cảm của mình, qua đó các em có thể học hỏi được nhiều điều. HS điếc cần được thử thách về trí tuệ, xã hội, cảm xúc, thể chất... tùy theo khả năng của từng cá nhân. Nếu trong những tiết học *GDCD*, GV giao cho trẻ những nhiệm vụ không phù hợp thì một số HS điếc có thể phản ứng bằng cách "nổi loạn" để tạo sự khiêu khích, gây chú ý... Vì vậy, GV phải hết sức chú ý đến tính phù hợp với đối tượng người học. Bên cạnh đó, GV dạy *GDCD* phải chú ý để tất cả HS điếc có cảm giác được tôn trọng và đánh giá cao.

Thông qua tiết dạy *GDCD* trên lớp, GV nên giải thích rõ ràng những hậu quả do các hành vi khác nhau gây ra. Bằng cách này, HS điếc sẽ nhận ra rằng các em không chỉ lựa chọn hành vi, mà còn ảnh hưởng đến hậu quả của những hành vi đó. Chúng ta cần xây dựng một bộ quy tắc quản lý cho mỗi HS trong lớp, ban đầu chỉ với một vài quy tắc, vì nếu quá nhiều trẻ sẽ cảm thấy bị choáng ngợp. Các quy tắc này cần được xây dựng với sự hợp tác với HS và phụ huynh và những HS khác nhau cần có những quy tắc khác nhau về mức độ yêu cầu.

#### 3. Kết luận

Giảng dạy môn *GDCD* cho HS điếc là vấn đề còn gặp nhiều trở ngại đến từ phía khách quan, như: môi trường sống, nội dung chương trình, thời lượng, cá nhân HS... cũng như từ phía chủ quan của GV. Vì vậy, trong thời gian tới, chúng ta cần tiếp tục tìm hiểu, trải nghiệm các cách thức truyền đạt khác nhau để môn *GDCD* thực sự mang lại hiệu quả cho HS điếc. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Quốc hội (2005). *Luật Giáo dục*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [2] Ban Bí thư Trung ương Đảng (2015). *Chỉ thị số 42-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030*.
- [3] Nguyễn Quang Uẩn (2006). *Tâm lý trẻ điếc*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Nguyễn Thị Hoàng Yến (2006). *Đại cương về giáo dục trẻ điếc*. NXB Đại học sư phạm.
- [5] Bộ GD-ĐT (2010). *Một số kĩ năng dạy trẻ khiếm thính trong lớp học hoà nhập*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [6] Đỗ Thị Hiền (2013). *Vài nét về ngôn ngữ kí hiệu và việc dạy ngôn ngữ kí hiệu cho trẻ khiếm thính ở Việt Nam*. Tạp chí Ngôn ngữ, số 1/2013, tr 67-68.
- [7] Bùi Thị Lâm - Hoàng Thị Nho (2011). *Giáo dục hoà nhập*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [8] Trần Thị Thiệp (chủ biên, 2012). *Giáo trình ngôn ngữ kí hiệu thực hành*. NXB Đại học Sư phạm.

## Sách vải - đồ chơi trí tuệ...

(Tiếp theo trang 194)

#### 3. Kết luận

Đồ chơi thông minh là đồ chơi khiến trẻ có thể vừa chơi vừa học, thỏa sức sáng tạo, phát triển trí tưởng tượng, tính thẩm mỹ, phát triển các giác quan... Sách vải chính là một loại đồ chơi phát triển trí não trẻ - đồ chơi thông minh như thế. Với các trang sách sống động đầy màu sắc được lên ý tưởng dựa theo tâm lý của trẻ, sách vải dễ dàng khiến trẻ em vui thích và được lôi cuốn vào các trò chơi hữu ích, giúp bé học tập và phát triển các kĩ năng một cách hiệu quả. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Ánh Tuyết (2000). *Trò chơi trẻ em*. NXB Phụ nữ.
- [2] Nguyễn Ánh Tuyết [2011]. *Sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Mai Văn Hưng (2013). *Sinh lý học thần kinh cấp cao và giác quan*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Nguyễn Văn Khang (2012). *Ngôn ngữ học xã hội*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Nguyễn Thị Mỹ Lộc - Đinh Thị Kim Thoa - Trần Văn Tính (2009). *Tâm lý học giáo dục*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6] Hồ Ngọc Đại (2014). *Nghiệp vụ sư phạm*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [7] Bộ GD-ĐT (2015). *Kĩ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường trung học*.